

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/DS-PT

Ngày 11 - 4 - 2018

*V/v công nhận di sản thừa kế
dùng vào việc thờ cúng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Anh
Ông Ngô Hà Nam

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 và ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/DS-PT ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc công nhận di sản thừa kế dùng vào việc thờ cúng.

Do Bản án dân sự thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1935

Địa chỉ: K48/11 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1943

Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1952

Cùng địa chỉ: K48/3 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Sáu H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 147 đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản ủy quyền số 97 ngày 13.02.2017).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị S, sinh năm: 1936 và các con gồm: bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1957; ông Nguyễn Q, sinh năm: 1962; bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1966;

ông Nguyễn Mạnh Q sinh năm: 1970 (là những người thừa kế của ông Nguyễn Bá H); Cùng địa chỉ: K48/1 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Trần Thị Mỹ L và con là ông Nguyễn Lộc H, sinh năm: 1980 (là những người thừa kế của ông Nguyễn Văn N); Cùng địa chỉ: Số 492 đường A, phường M, quận S, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Đức D và các con gồm: ông Lê Đức T, sinh năm: 1974; bà Lê Thị Ánh P, sinh năm: 1975 và bà Lê Thị Anh T, sinh năm: 1982 (là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị N); Cùng địa chỉ: K110/H23/3 đường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

4. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm: 1930; Địa chỉ: Số 11D đường N, phường B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1945; Địa chỉ: K157/10 đường T, phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

-*Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H.
(Ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Đình H và Nguyễn Thị Sáu H có mặt, các đương sự khác đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Cha mẹ ông là Nguyễn Bá N, Trần Thị Đ có 09 người con, trong đó hai người chết lúc còn nhỏ, còn lại 07 người con gồm: Nguyễn Bá H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình H, Nguyễn Trường G, Nguyễn Minh T và Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay thì đã có 03 người đã chết là Nguyễn Bá H, Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị N.

Lúc còn sống cha, mẹ ông có tạo dựng được tài sản là một ngôi nhà cấu trúc tường xây tập lô, diện tích 40m² (chiều ngang 4m x chiều dài 10m), được ngăn làm 03 phòng, tại địa chỉ số 44/7 (cũ), nay là số 48/3 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Cha, mẹ ông sinh sống tại ngôi nhà này cho đến khi qua đời và cha ông lập di chúc để lại cho các con cùng đồng sở hữu, quản lý, sử dụng làm nơi thờ tự ông bà, cha, mẹ theo tờ di chúc do cha ông lập ngày 10 tháng giêng năm Giáp Tý (1984).

Sau khi cha, mẹ ông chết thì tài sản nhà, đất nêu trên do các anh em của ông sống tại Đà Nẵng quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng ông bà hằng năm. Đến năm 2000 vợ chồng ông Nguyễn Đình H, Bà Nguyễn Thị Mộng T tự ý dọn vào chiếm ở, quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu chung của anh em ông, mặc dù anh em đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T giao trả lại nhà, đất

của cha mẹ để góp tiền tu sửa làm nơi thờ tự, nhưng ông Hiền bà Thu cố tình không chịu trả nhà.

Nay ông với tư cách là nguyên đơn, đại diện cho các chủ sở hữu chung yêu cầu Tòa án công nhận ngôi nhà có kết cấu, tường, mái tôn, nền xi măng có diện tích chiều dài 6.06m x chiều ngang 3.89 m = 23,57m² gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số K48/3 L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng mà hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của ông Nguyễn Bá N và bà Trần Thị Đ thuộc sở hữu chung của các đồng thừa kế gồm: ông Nguyễn Bá H (chết), ông Nguyễn Văn N (chết), ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Trường G, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị N (chết); đồng thời buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T giao trả lại phần diện tích nhà, đất nêu trên cho các đồng sở hữu chung để làm nơi thờ tự ông bà, cha, mẹ theo di chúc.

Bị đơn ông Nguyễn Đình H và đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Sáu H trình bày:

Thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H về quan hệ huyết thống cha, mẹ, anh chị em ruột trong gia đình. Đồng thời, thừa nhận một phần diện tích, nhà, đất mà hiện nay bị đơn ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T đang quản lý, sử dụng là của ông N, bà Đ (đều đã chết) để lại thừa kế cho các con đồng sở hữu làm nơi thờ tự ông, bà, cha, mẹ theo Tờ di chúc do ông N lập ngày 10 tháng giêng năm Giáp Tý như ông Nguyễn Hữu H trình bày là đúng. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, sử dụng đến năm 2000 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 2935/QĐ-UB ngày 10/10/2000 thu hồi một phần diện tích đất sử dụng là 58,0m² để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật - Cải thiện vệ sinh môi trường khu dân cư B, trong đó có một phần diện tích nhà, đất của cha, mẹ ông (chết) để lại. Sau khi nhà nước thu hồi đất, nhà bị giải tỏa hư hỏng toàn bộ nên vợ chồng bị đơn bỏ tiền ra tu bổ, sửa chữa lại ngôi nhà như hiện nay. Vì vậy, theo yêu cầu của ông Nguyễn Hữu H thì (bị đơn) chấp nhận giao trả lại cho các đồng sở hữu chung một phần diện tích nhà ở 16,19m² nằm trên diện tích đất sử dụng cả sân + lối đi phía trước là 36,95m² cho ông Nguyễn Hữu H là người đại diện nhận quản lý, cho các đồng sở hữu chung để làm nơi thờ tự ông bà, cha, mẹ theo di chúc; đồng thời bị đơn không yêu cầu các đồng sở hữu chung phải bồi hoàn lại số tiền do (bị đơn) bỏ ra tu bổ, sửa chữa nhà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Trường G, ông Lê Đức D trình bày:

Thống nhất với nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H đối với bị đơn ông Nguyễn Đình H, Bà Nguyễn Thị Mộng T về tài sản tranh chấp. Đồng thời đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng Thu trả lại phần diện tích nhà, đất thuộc sở hữu chung mà hiện nay ông

bà đang quản lý sử dụng cho các chủ sở hữu chung làm nơi thờ tự ông bà, cha mẹ theo di chúc do ông N lập ngày 10 tháng giêng năm Giáp Tý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Lê Thị S, Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Quý, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Mạnh Q và Nguyễn Lộc H không có văn bản ghi ý kiến phản hồi của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Đức T, bà Lê Thị Anh P và bà Lê Thị Anh T đều có văn bản ghi ý kiến phản hồi của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nội dung như sau:

Theo di chúc ông bà ngoại Nguyễn Bá N, Trần Thị Đ để lại cho con cháu thực hiện theo di chúc làm nhà thờ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ L có nội dung phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn như sau: Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H do bà không có liên quan đến vụ án và không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này vì việc này không liên quan gì đến bà, do đó Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng giải quyết vụ án thì bà xin vắng mặt.

Với nội dung trên án sơ thẩm đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 227 và 228 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, điểm b khoản 1 Điều 617, Điều 624, 645 BLDS năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

1. Công nhận một phần diện tích xây dựng ngôi nhà có chiều dài 4.10m x chiều ngang 3.950 m = 16,19m² có kết cấu: tường xây, mái tôn, nền xi măng nằm trên tổng diện tích đất sử dụng 36,95m² bao gồm cả diện tích sân trồng + lối đi tại địa chỉ số K48/3 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng mà hiện nay ông Nguyễn Đình H, Bà Nguyễn Thị Mộng T quản lý, sử dụng thuộc sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Bá N và bà Trần Thị Đ (đều đã chết) là di sản thừa kế thuộc sở hữu, sử dụng chung của những người thừa kế gồm: ông Nguyễn Bá H (chết), ông Nguyễn Trường G, ông Nguyễn N (chết), ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị N (chết).

2. Buộc ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T giao trả lại một phần nhà ở có diện tích xây dựng 16,19m² nằm trên tổng diện tích đất sử dụng 36,95m² bao gồm cả diện tích sân trồng + lối đi có tứ cận như sau: Hướng Đông: Giáp nhà số 48/1 đường L. Hướng Tây: Giáp nhà số 48/5 đường L. Hướng Nam: Giáp phần

nhà, đất ông Nguyễn Đình H. Hướng Bắc: Giáp kiệt số 48 đường L (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) cho ông Nguyễn Hữu H (người đại diện cho chủ sở hữu chung) tạm thời có nghĩa vụ quản lý di sản bằng hình thức bảo quản di sản, không được bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc định đoạt tài sản bằng hình thức khác, nếu không được những người chủ sở hữu chung đồng ý bằng văn bản để sử dụng vào việc thờ cúng.

Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu là: 5.604.000đồng (làm tròn số).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm: 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 2924 ngày 14.12.2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 06/9/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, công nhận diện tích nhà theo Di chúc cụ Nguyễn Bá N để lại là tài sản chung của các đồng thừa kế chứ không phải 16,19m² như Tòa sơ thẩm quyết định; ngoài ra Tòa sơ thẩm công nhận diện tích sân và lối đi 20,76m² cho các đồng thừa kế là không đúng vì diện tích đất này thuộc đất của nhà nước quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, do đó căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Về nội dung:

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất có diện tích 40m² tại số K48/3 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng của cụ ông Nguyễn Bá N và cụ bà Trần Thị Đ mà hiện nay ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế thuộc sở hữu chung cho các đồng thừa kế gồm các thừa kế của ông Nguyễn Bá H, các thừa kế của ông

Nguyễn Văn N, các thừa kế của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Đình H, ông Nguyễn Trường G và ông Nguyễn Minh T để dùng vào việc thờ cúng. Đồng thời, buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T giao trả lại phần diện tích nhà, đất nói trên cho các đồng sở hữu chung để làm nơi thờ tự ông, bà, cha, mẹ theo Di chúc do cụ N lập ngày 10 tháng giêng năm Giáp Tý (tức năm 1984). Như vậy quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án này phải là yêu cầu công nhận di sản thừa kế thuộc sở hữu chung cho các đồng thừa kế để dùng vào việc thờ cúng chứ không phải quan hệ tranh chấp quyền sở hữu bất động sản thuộc sở hữu chung như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Do vậy cấp phúc thẩm điều chỉnh quan hệ pháp luật cho đúng pháp luật.

[3] Cụ ông Nguyễn Bá N và cụ bà Trần Thị Đ có 9 người con, trong đó có 02 người chết lúc còn nhỏ, còn lại 07 người con gồm Nguyễn Bá H (chết năm 2012, có vợ là Lê Thị S và các con Nguyễn Thị L1, Nguyễn Q, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Mạnh Q); ông Nguyễn Văn N (chết ngày 27/10/1992, có con là Nguyễn Lộc H); ông Nguyễn Hữu H; ông Nguyễn Đình H; ông Nguyễn Trường G; ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2015, có chồng là Lê Đức D và các con là Lê Đức T, Lê Thị Anh T, Lê Thị Ánh P).

[4] Quá trình chung sống cụ N và cụ Đ tạo lập được ngôi nhà cấp 4 diện tích 40m² tại 44/7 (nay số 48/3) đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 1987 cụ Đ chết; ngày 10 tháng giêng năm Giáp Tý (1984) cụ N lập di chúc với nội dung:

"Vợ chồng chúng tôi có tạo lập được 01(một) căn nhà số 44/7 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng ngang 4 mét, dài 10 mét, xây tường tấp ló, ngăn làm 03 phòng. Phòng trước dùng để thờ ông bà, cha mẹ. Phòng giữa là phòng ngủ. Phòng cuối là phòng ăn, có bếp và phòng tắm dùng chung với thằng thứ 7 vì đất chật hẹp.

Lúc vợ tôi còn sống chúng tôi có bàn định dành căn nhà nói trên làm nhà chung thờ tự giao cho sáu con trai cùng nhau bảo tồn, tu sửa, còn con gái thì tùy hỉ. Cùng mấy con trưởng nam ở bên phải số 44/3, con thứ năm ở bên trái 44/3, cả hai đều cùng một đường ra một ngõ và con trai thứ bảy ở phía sau đi chung cửa ra vào được giao trách nhiệm sớm tối đóng cửa, coi ngó quét dọn và hương khói...

Nhà chung này còn có mục đích kỵ giỗ ông bà, cha mẹ hay chạp mã để có thể anh em con cháu ở xa về có nơi nghỉ ngơi nấu nướng cúng giỗ...

Di chúc này lập thành 7 bản mỗi con phải giữ gìn cẩn thận một bản để vợ chồng con cháu thực thi nghiêm túc. Được như vậy anh em mới sum họp con cháu mới vui vầy, các con còn phải có trách nhiệm nhắc nhở những cháu nhỏ dại chưa hiểu thấu triệt ý nghĩa của vấn đề gia tộc, di sản và có trách nhiệm bảo tồn từ thế hệ này đến thế hệ sau cùng tồn tại như một gia phả vậy."

[5] Ngày 28/11/1992 cụ N chết. Sau khi cụ N chết thì vợ chồng ông Nguyễn Đình H và Nguyễn Thị Mộng T tiếp tục quản lý, sử dụng đối với nhà đất nêu trên. Tại sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Đình H và đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Đình H cũng như lời khai các đồng thừa kế khác trong quá trình tố tụng tại sơ thẩm đều xác nhận một phần diện tích nhà đất mà hiện nay ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T đang quản lý, sử dụng là của cụ N và cụ Đ để lại thừa kế cho các con dùng vào việc thờ cúng.

[6] Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông H cho rằng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận diện tích nhà theo di chúc là 40m^2 chứ không phải là $23,57\text{m}^2$ như Tòa sơ thẩm đã nhận định trong Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên thực tế đo đạc diện tích xây dựng nhà là $35,97\text{m}^2$ nên ông H đề nghị HĐXX công nhận theo diện tích thực tế.

[7] Xét thấy: Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện diện tích đất theo nhà mà trước đây cụ N sử dụng để nộp thuế hằng năm cho nhà nước cụ thể từ năm 1987 đến 1991 là 90m^2 , năm 1992 đến năm 1997 là 136m^2 , năm 1998 đến năm 2008 không có tên cụ N nộp thuế. Sau đó ông Nguyễn Đình H tiếp tục kê khai nộp thuế đất từ năm 1998 đến nay.

[8] Năm 2000, nhà nước thu hồi diện tích 58m^2 của hộ ông Nguyễn Đình H sử dụng để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cải thiện vệ sinh môi trường khu dân cư B. Toàn bộ số tiền nhà nước đền bù do ông Nguyễn Đình H nhận và đã sử dụng. Theo đo đạc thực tế thì hiện nay ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T sử dụng diện tích nhà đất là $68,5\text{m}^2$ (chưa kể diện tích đất Nhà nước thu hồi 58m^2). Như vậy tổng diện tích sử dụng đất cụ N sử dụng trước đây là $126,5\text{m}^2$. Tuy nhiên diện tích nhà đất mà Tòa án sơ thẩm công nhận cho các đồng thừa kế là chưa chính xác. Theo Di chúc cụ N để lại là ngôi nhà 40m^2 để làm thờ cúng nhưng Tòa sơ thẩm chỉ công nhận $16,19\text{m}^2$ là không đúng với ý chí của cụ N. Do đó ông Nguyễn Hữu H kháng cáo phần này là có cơ sở, HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H, sửa án sơ thẩm, công nhận diện tích nhà theo đo đạc thực tế hiện nay $35,97\text{m}^2$ là di sản thừa kế dùng vào việc thờ cúng cho các đồng thừa kế của cụ N và cụ Đ là phù hợp.

[9] Đối với diện tích sân và lối đi vào nhà là $20,76\text{m}^2$, Tòa án sơ thẩm chưa điều tra xác minh làm rõ diện tích đất này mà quyết định giao cho các đồng thừa kế là không có căn cứ.

[10] Ngày 04/01/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tiến hành xác minh thì diện tích đất này không thuộc quyền sử dụng của cụ N và cụ Đ trước đây (nay do ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Mộng T sử dụng) mà thuộc đất công cộng do Nhà nước quản lý. Do đó việc Tòa sơ thẩm giao diện tích đất này cho các đồng thừa kế sử dụng là không đúng pháp luật. Vì vậy ông Nguyễn Hữu H kháng cáo về nội dung này là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[11] Theo Di chúc cụ N lập không chỉ định rõ người con nào có nghĩa vụ quản lý ngôi nhà này để dùng vào việc thờ cúng. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hữu H có ý kiến giao cho các đồng thừa kế quản lý chung, ông Nguyễn Hữu H không đồng ý như án sơ thẩm quyết định giao cho ông quản lý; ông Nguyễn Đình H thì có ý kiến giao cho ông quản lý; còn các đồng thừa kế khác đều vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của mình về việc quản lý di sản.

[12] Tại khoản 1 Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng. Trong trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng...”

[13] Như nhận định trên cụ N không chỉ định rõ người con nào quản lý di sản để thờ cúng và các đồng thừa kế của cụ N, cụ Đ đều không thỏa thuận cử được người quản lý di sản thờ cúng nhưng Tòa sơ thẩm lại giao cho ông Nguyễn Hữu H quản lý di sản thừa kế trong khi ông Nguyễn Hữu H cũng không đồng ý nhận quản lý di sản là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX sửa án sơ thẩm về phần này, quyết định giao cho các đồng thừa kế của cụ N và cụ Đ cùng quản lý di sản nêu trên để dùng vào việc thờ cúng.

[14] Quá trình sử dụng ngôi nhà do cha mẹ để lại, vợ chồng ông Nguyễn Đình H đã sửa chữa lại ngôi nhà. Tuy nhiên tại sơ thẩm ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T không có yêu cầu các đồng sở hữu chung phải hoàn trả lại số tiền mà ông bà bỏ ra sửa chữa nhà nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí là không đúng quy định nêu trên. Mặc dù ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T không kháng cáo nhưng để đảm bảo quyền lợi của đương sự, HĐXX sửa phần án phí.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Hữu H không phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 29, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H.

II. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận T như sau:

1. Công nhận di sản thừa kế là ngôi nhà có kết cấu tường xây, mái tôn, nền xi măng, diện tích xây dựng thực tế 35,97m², diện tích sử dụng 48,21m² thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ số K48/3 đường L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng có tứ cận: Đông giáp nhà 48/1 đường L dài 9,1m; Tây giáp nhà ông Lê Văn N dài 2,39m, giáp nhà ông Nguyễn Đình H dài 6,71m; Nam giáp công nước dài 3,956m; Bắc giáp đất công cộng 3,95m (hiện nay ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T quản lý, sử dụng) thuộc sở hữu chung cho các đồng thừa kế của cụ Nguyễn Bá N và cụ Trần Thị Đ gồm: bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị L2, ông Nguyễn Mạnh Q (các thừa kế của ông Nguyễn Bá H); ông Nguyễn Lộc H (thừa kế của ông Nguyễn Văn N); ông Lê Đức D, ông Lê Đức T, bà Lê Thị Anh T, bà Lê Thị Ánh P (các thừa kế của bà Nguyễn Thị N); ông Nguyễn Hữu H; ông Nguyễn Đình H; ông Nguyễn Trường G, ông Nguyễn Minh T để dùng vào việc thờ cúng (có sơ đồ kèm theo).

2. Giao cho những người thừa kế của cụ Nguyễn Bá N và cụ Trần Thị Đ gồm: Lê Thị S, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Q, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Mạnh Q (các thừa kế của ông Nguyễn Bá H); ông Nguyễn Lộc H (thừa kế của ông Nguyễn Văn N); ông Lê Đức D, ông Lê Đức T, bà Lê Thị Anh T, bà Lê Thị Ánh P (các thừa kế của bà Nguyễn Thị N); ông Nguyễn Hữu H; ông Nguyễn Đình H; ông Nguyễn Trường G, ông Nguyễn Minh T cùng quản lý di sản nêu trên.

3. Ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Mộng T có nghĩa vụ giao trả phần nhà đất nêu trên cho các đồng thừa kế để dùng vào việc thờ cúng.

4. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Mộng T được miễn nộp.

6. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0002924 ngày 14/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu H không phải chịu. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu H 300.000đ đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu số 0007482 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐN;
- TAND quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Phi Yến

